

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH VĨNH PHÚC**

Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26-9-2022
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Song Lưu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Đoàn và ông Hoàng Văn Khảm

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Đào Xuân Hiếu, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 171/2022/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn Th, sinh năm 1968; địa chỉ: thôn T, xã V, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.
2. Bị đơn: Bà Đặng Thị T, sinh năm 1968; địa chỉ: thôn T, xã V, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 7 năm 2022 và những lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là ông Trần Văn Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông kết hôn với bà Đặng Thị T trên cơ sở được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V vào ngày 23/7/1988. Sau ngày cưới, bà T về làm dâu ngay. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng bình thường đến năm 1996 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Ông bà nhiều lần dàn xếp nhưng không thành mà thường xuyên xảy ra va chạm. Ông chán nản đã sử dụng ma túy, bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 02 năm tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy. Từ đó đến nay, ông bà không có trách nhiệm với nhau, ông tách khẩu ở riêng từ năm 2014. Năm 2020 ông làm đơn xin ly hôn, tại Bản án sơ thẩm số 03/2021/HNGĐ-ST ngày 26/01/2021, Tòa án nhân dân huyện Y đã quyết định cho ông được ly hôn bà T. Bà T kháng cáo. Tại Bản án phúc thẩm số 11/2021/HNGĐ-PT ngày 30/6/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc quyết định sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông. Song tình cảm vợ chồng không được cải thiện, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ông bà vẫn sống ly thân nhau. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà T.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Ông Th xác định có 02 con chung là Trần Thị T, sinh năm 1989 và Trần Văn T, sinh năm 1993. Hiện chị T, anh T đều đã trưởng thành, có thể tự túc lao động được nên ông không đề nghị giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Ông Th xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Đặng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T xác nhận về quá trình kết hôn, thời gian mâu thuẫn, thời gian ly thân như ông Th trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông Th chơi bời, sử dụng ma túy. Năm 2000, ông Th có quan hệ như vợ chồng với bà Nguyễn Thị M. Bà khuyên nhưng ông không thay đổi. Từ năm 2014 đến nay, ông bà không có trách nhiệm với nhau, bà không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng, khả năng ông bà về đoàn tụ rất khó vì ông Th cương quyết xin ly hôn. Tuy nhiên, bà xác định vẫn còn tình cảm với ông Th nên không đồng ý ly hôn. Việc ông Th tiếp tục chung sống như vợ chồng với bà M hay không, bà không có ý kiến gì. Bà đề nghị Tòa án giải quyết không chấp nhận đơn ly hôn của ông Th.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Bà T xác định có 02 con chung như ông Th trình bày. Chị T, anh T đều đã trưởng thành và có thể tự túc lao động được nên bà không đề nghị giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Bà T không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ông Th được ly hôn bà T; ông Th phải nộp án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Trần Văn Th có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Đặng Thị T. Bà T cư trú tại huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn Th và bà Đặng Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 1996 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Năm 2014, ông Th, bà T tách khẩu, không sống cùng nhau. Bà T xác định vẫn còn tình cảm, không đồng ý ly hôn nhưng bà cũng thừa nhận không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng; từ năm 2014 đến nay, ông bà không có trách nhiệm với nhau, khả năng đoàn tụ rất khó vì ông Th cương quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, việc ly hôn dựa trên sự tự nguyện của vợ chồng, nó là kết quả của hành vi có ý chí của vợ, chồng khi thực hiện quyền ly hôn. Nhà nước bằng pháp luật không thể cưỡng ép nam, nữ phải yêu nhau, kết hôn với nhau, thì cũng không thể bắt buộc vợ chồng phải chung sống với nhau,

phải duy trì quan hệ hôn nhân khi tình cảm yêu thương gắn bó giữa họ đã hết, mục đích của hôn nhân không được. Việc giải quyết ly hôn là tất yếu đối với quan hệ hôn nhân đã thực sự tan vỡ. Ông Th, bà T sống ly thân nhau thời gian đã dài và không có biện pháp hàn gắn, ông bà không có trách nhiệm với nhau, do thường xuyên xảy ra va chạm nên ông Th tách khẩu, đi làm ăn xa. Năm 2020, ông Th xin ly hôn bà T, Tòa án cấp phúc thẩm quyết định không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Th, song tình cảm không được cải thiện, ông bà vẫn ly thân nhau, không thể đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông Th và bà T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc bà T không đồng ý ly hôn là không có căn cứ nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho ông Th ly hôn bà T là phù hợp.

[4]. Về quan hệ giao nuôi con chung: Ông Trần Văn Th, bà Đặng Thị T 02 con chung là Trần Thị T, sinh năm 1989 và Trần Văn T, sinh năm 1993. Chị T, anh T đều đã trưởng thành và có thể tự túc lao động được; các đương sự không đề nghị nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]. Về quan hệ tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Ông Trần Văn Th phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, cần xem xét khi quyết định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử.

1. Cho ông Trần Văn Th được ly hôn với bà Đặng Thị T.

2. Ông Trần Văn Th phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001354 ngày 19 tháng 7 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, Vĩnh Phúc. Ông Th đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu VP-HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Song Lưu